PHỤ LỤC 3: THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2021 CỦA PV GAS

Stt	Tên dự án - kế hoạch	Thời gian		Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư/dự toán được duyệt						Kế hoạch năm 2021				Thực hiện năm 2021				Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến 31.12.2021		
					Số quyết định	Ngày tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư			Giá trị thực hiện đầu tư	Giá trị giải ngân			Giá trị thực hiện đầu tư	Giá trị giải ngân			Giá trị giải ngân		
								Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
		KC	HT						Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác
	TỔNG SỐ (I+II+III+IV+V)			**Tỷ đồng**				**83.896,6**	**20.872,2**	**63.024,4**	**3.777,6**	**6.255,7**	**2.626,5**	**3.629,2**	**2.928,1**	**4.773,6**	**(1.301,9)**	**6.075,5**	**26.799,6**	**11.087,1**	**15.712,9**
	Nội tệ			Tỷ đồng				53.869,0	16.278,0	37.591,0	1.751,5	4.229,5	600,3	3.629,2	2.900,0	4.745,5	(1.330,0)	6.075,5	25.838,3	10.125,8	15712,86
	Ngoại tệ			Tr.USD				1.277,8	195,5	1.082,3	86,2	86,2	86,2	-	1,2	1,2	1,2	-	40,9	40,9	-
I	**DỰ ÁN NHÓM A**			**Tỷ đồng**				**53.349,1**	**16.004,7**	**37.344,3**	**1.037,6**	**3.653,3**	**73,9**	**3.579,4**	**2.518,2**	**4.428,7**	**(1.548,5)**	**5.977,1**	**25.430,0**	**9.814,3**	**15.615,7**
				Tr.USD				**1.277,8**	**195,5**	**1.082,3**	**86,2**	**86,2**	**86,2**	**-**	**1,2**	**1,2**	**1,2**	**-**	**40,9**	**40,9**	**-**
I.1	**<u>Dự án đã hoàn thành</u>**			**Tỷ đồng**				**20.631,4**	**6.189,4**	**14.442,0**	**-**	**170,4**	**65,4**	**105,0**	**1,0**	**796,2**	**405,6**	**390,6**	**15.459,3**	**5.641,9**	**9.817,4**
1	Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1 *- Hoàn thành thanh quyết toán*	2011	Q.IV/15	Tỷ đồng	497/QĐ-KVN	4/5/2018	PV GAS	6.873,0	2.061,9	4.811,1						143,1	143,1		6.502,2	1.731,0	4.771,2
2	Nhà máy xử lý khí Cà Mau *'- Hoàn thành thanh quyết toán.* *- Loop & máy nén số 3: Triển khai theo chỉ đạo của PVN.*	Q.II/15	Q.III/17	Tỷ đồng	1342/QĐ-KVN	30/10/2014	PV GAS	10.525,3	3.157,6	7.367,7	-	16,9	16,9			35,9	35,9		6.427,0	2.611,1	3.815,9
3	Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt *'- Thanh quyết toán.*	Q.IV/19	Q.IV/20	Tỷ đồng	391/QĐ-KVN	20/3/2019	PV GAS	3.233,1	969,9	2.263,1	-	153,5	48,5	105,0	1,0	617,2	226,6	390,6	2.530,1	1.299,8	1.230,3
I.2	**<u>Dự án chuyển tiếp</u>**			**Tỷ đồng**				**24.384,0**	**7.315,2**	**17.068,8**	**1.037,6**	**3.474,4**	**-**	**3.474,4**	**2.492,4**	**3.600,7**	**(1.985,9)**	**5.586,6**	**9.762,8**	**3.964,5**	**5.798,3**
				Tr.USD				**1.277,8**	**195,5**	**1.082,3**	**86,2**	**86,2**	**86,2**	**-**	**1,2**	**1,2**	**1,2**	**-**	**40,9**	**40,9**	**-**
1	Kho chứa LNG 1 triệu tấn tại Thị Vải *'- Hoàn thành lớp vỏ trong bồn LNG.*	Q.III/19	Q.IV/22	Tỷ đồng	410A/QĐ-KVN	17/4/2013	PV GAS	5.951,1	1.785,3	4.165,8	1.037,6	830,1		830,1	2.434,6	1.820,4	46,8	1.773,6	3.243,7	1.305,8	1.938,0
2	Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 2			Tỷ đồng	497/QĐ-KVN	4/5/2018	PV GAS	18.432,9	5.529,9	12.903,0	-	2.644,4		2.644,4	57,9	1.780,3	(2.032,7)	3.813,0	6.519,1	2.658,7	3.860,3
-	Đường ống bờ/biển và các trạm *'- Nghiệm thu dự án, đưa vào sử dụng.* *- Thanh quyết toán.* *- Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư.*	Q.I/20	Q.IV/20	Tỷ đồng	1225/QĐ-KVN	05/09/2019	PV GAS	8.213,6	2.464,1	5.749,5		*2.643,9*		*2.643,9*	57,9	*1.779,7*	(2.033,3)	3.813,0	*6.433,8*	2.573,5	3.860,3
-	GPP2 *'- H.thành quyết toán và thanh lý HĐ cập nhật FEED, dự toán, HĐ lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch.*			Tỷ đồng			PV GAS	-	-	-		*0,4*		*0,4*		*0,7*	0,7		*85,2*	85,2	-
3	Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn (chỉ tính phần vốn PV GAS) *'- PVN điều hành. Giải ngân KH 2021 bằng Ngân sách phê duyệt.*	Q.I/10	2024	Tr.USD	468/QĐ-DKVN	20/01/2017	PVN	1.277,8	195,5	1.082,3	86,2	86,2	86,2		1,2	1,2	1,2		40,9	40,9	
I.3	**<u>Dự án chuẩn bị đầu tư</u>**			**Tỷ đồng**				**8.333,6**	**2.500,1**	**5.833,5**	**-**	**8,5**	**8,5**	**-**	**24,8**	**31,8**	**31,8**	**-**	**208,0**	**208,0**	**-**

Stt	Tên dự án - kế hoạch	Thời gian		Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư/dự toán được duyệt						Kế hoạch năm 2021				Thực hiện năm 2021				Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến 31.12.2021		
					Số quyết định	Ngày tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư			Giá trị thực hiện đầu tư	Giá trị giải ngân			Giá trị thực hiện đầu tư	Giá trị giải ngân			Giá trị giải ngân		
								Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
		KC	HT						Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác
1	Đường ống thu gom vận chuyển khí mỏ Sư tử trắng. *'- Lựa chọn nhà thầu EPC và các gói thầu khác sau khi FS được duyệt.*			Tỷ đồng	32/TTr-KVN	25/3/2019	PV GAS	3.344,0	1.003,2	2.340,8	-	-							27,7	27,7	
2	Mở rộng, nâng cấp Kho chứa LNG Thị Vải lên 3 triệu tấn *'- Lựa chọn nhà thầu EPC và các gói thầu khác sau khi FS được duyệt.*			Tỷ đồng	1994/NQ-DKVN	12/4/2019	PVN	4.989,6	1.496,9	3.492,7		8,5	8,5		24,8	31,8	31,8	-	31,8	31,8	-
3	Hệ thống cảng tiếp nhận và phân phối LNG nhập khẩu tại Sơn Mỹ *'- Triển khai các công việc tiếp theo sau khi FS được duyệt/Công ty kinh doanh kho LNG Sơn Mỹ thực hiện.*			Tỷ đồng				-	-	-		-				-			148,4	148,4	
4	Dự án cấp khí cho nhà máy điện Long An *'- Phối hợp đối tác nghiên cứu, triển khai đồng bộ tiến độ nhà máy điện Long An*			Tỷ đồng												-					
II	**DỰ ÁN NHÓM B**			**Tỷ đồng**				**352,4**	**105,7**	**246,6**	**491,8**	**343,1**	**293,4**	**49,8**	**272,7**	**183,7**	**85,4**	**98,3**	**186,9**	**89,7**	**97,1**
I.1	**<u>Dự án khởi công mới</u>**			**Tỷ đồng**				**352,4**	**105,7**	**246,6**	**351,8**	**201,8**	**152,0**	**49,8**	**270,2**	**180,9**	**82,6**	**98,3**	**184,1**	**86,9**	**97,1**
1	Đường ống LNG Thị Vải - Phú Mỹ *'- H.thành thi công lắp đặt tuyến ống.*	Q.I/21	Q.IV/21	Tỷ đồng	817/QĐ-KVN	7/6/2020	PV GAS	352,4	105,7	246,6	301,8	151,8	102,0	49,8	**270,2**	180,9	82,6	98,3	184,1	86,9	97,1
2	Các dự án/giải pháp cải hoán, nâng cấp, đầu tư mới: hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý, phân phối khí & sản phẩm khí (Nâng CS ĐÔ Phú Mỹ - Nhơn Trạch/TP.HCM, GP cấp khí/LNG nhanh gđ 2021 - 2023, GP v/ch khí Tuna, PA cấp LNG Tây Nam Bộ, Kho LNG/LPG Bắc Bộ, ...); các công trình phụ trợ, văn phòng, nhà cửa, đường xá,…. *'- Thực hiện theo nhu cầu thực tế.*		Q.IV/21	Tỷ đồng							50,0	50,0	50,0						-		
II.2	**<u>Dự án chuẩn bị đầu tư</u>**			**Tỷ đồng**				**-**	**-**	**-**	**140,0**	**141,3**	**141,3**	**-**	**2,5**	**2,8**	**2,8**	**-**	**2,8**	**2,8**	**-**
1	Cải tạo, nâng công suất bồn chứa LPG tại kho cảng Thị Vải *'- Lựa chọn nhà thầu EPC sau khi FS được duyệt.*			Tỷ đồng				-	-	-	-	1,3	1,3		**2,5**	**2,8**	2,8	-	**2,8**	2,8	-
2	Hệ thống xuất LNG bằng xe bồn *'- H.thành FS và triển khai các bước tiếp theo.*			Tỷ đồng							-	-							-		
3	Văn phòng chi nhánh tại Hải Phòng *'- Hoàn thành thủ tục đất đai và triển khai các bước tiếp theo.*			Tỷ đồng							100,0	100,0	100,0						-		
4	Giải pháp phần mềm ERP - GĐ cơ sở *'- Triển khai Module Tài chính - Kế toán*			Tỷ đồng							40,0	40,0	40,0						-		

Stt	Tên dự án - kế hoạch	Thời gian		Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư/dự toán được duyệt						Kế hoạch năm 2021				Thực hiện năm 2021				Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến 31.12.2021		
					Số quyết định	Ngày tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư			Giá trị thực hiện đầu tư	Giá trị giải ngân			Giá trị thực hiện đầu tư	Giá trị giải ngân			Giá trị giải ngân		
								Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
		KC	HT						Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác
III	**DỰ ÁN NHÓM C**			**Tỷ đồng**				**167,6**	**167,6**	**-**	**93,1**	**104,1**	**104,1**	**-**	**3,9**	**27,9**	**27,9**	**-**	**116,2**	**116,5**	**-**
III.1	**Dự án hoàn thành**			**Tỷ đồng**				**118,7**	**118,7**	**-**	**-**	**11,0**	**11,0**	**-**	**0,4**	**24,6**	**24,6**	**-**	**112,9**	**112,9**	**-**
1	Cải hoán, nâng cấp GPP Dinh Cố để tiếp nhận khí sớm của đường ống Nam Côn Sơn 2 GĐ 2 *'- Thanh quyết toán.*	Q.I/20	Q.IV/20	Tỷ đồng	1715/QĐ-KVN	12/4/2019	PV GAS	118,7	118,7	-	-	6,7	6,7		0,4	24,6	24,6	-	112,9	112,9	
2	Giải pháp nguồn điện trung thế dự phòng cho Kho LPG lạnh Thị Vải *'- Hoàn thành thanh quyết toán.*	Q.III/20	Q.IV/20	Tỷ đồng				-				4,3	4,3						-		
III.2	**Dự án khởi công mới**			**Tỷ đồng**				**48,9**	**48,9**	**-**	**93,1**	**93,1**	**93,1**	**-**	**3,5**	**3,3**	**3,3**	**-**	**3,3**	**3,6**	**-**
1	Cải hoán Trạm nạp Thị vải để tăng hiệu suất xuất hàng cho xe bồn *'- Hoàn thành dự án đưa vào sử dụng.*	Q.I/21	Q.III/21	Tỷ đồng				-			14,1	14,1	14,1						-		
2	Lắp đặt bổ sung đường dây 22KV và thiết bị chuyển mạch trung thế cho GPP *'- Hoàn thành dự án đưa vào sử dụng.*	Q.III/21	Q.IV/21	Tỷ đồng				12,6	12,6		13,0	13,0	13,0		2,6	2,6	2,6		2,6	2,6	
3	Lắp đặt đường ống để bơm chuyển LPG send-out từ kho lạnh Thị Vải sang cụm bullet kho định áp. *'- Hoàn thành dự án đưa vào sử dụng.*	Q.I/21	Q.III/21	Tỷ đồng				-			5,6	5,6	5,6						-		
4	Văn phòng, thư viện, kho lưu trữ, công trình phụ trợ tại 101 Lê Lợi *'- Phê duyệt thiết kế BVTC.* *- Mời thầu, triển khai HĐ thi công xây lắp.*	Q.IV/21	Q.IV/22	Tỷ đồng				36,3	36,3	-	10,5	10,5	10,5		0,04	0,04	0,04		,	0,3	
5	Các dự án/giải pháp cải hoán, nâng cấp, đầu tư mới: hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý, phân phối khí & sản phẩm khí, xăng dầu; các công trình phụ trợ, văn phòng, nhà cửa, đường xá,…. *'- Thực hiện theo nhu cầu thực tế.*		Q.IV/21	Tỷ đồng				-			50,0	50,0	50,0		0,9	0,7	0,7		0,7	0,7	
IV	**MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ**			**Tỷ đồng**				**-**	**-**	**-**	**129,0**	**129,0**	**129,0**	**-**	**105,2**	**105,2**	**105,2**	**-**	**105,2**	**105,2**	**-**
1	Thiết bị văn phòng *'- Thực hiện theo nhu cầu thực tế.*		Q.IV/21	Tỷ đồng							27,9	27,9	27,9		19,8	19,8	19,8		19,8	19,8	
2	Phần mềm ứng dụng phục vụ điều hành quản trị tại TCT *'- Thực hiện theo nhu cầu thực tế.*		Q.IV/21	Tỷ đồng							40,6	40,6	40,6		28,3	28,3	28,3		28,3	28,3	
3	Thiết bị phục vụ AT PCCC, BDSC, VH, Đo đếm,… *'- Thực hiện theo nhu cầu thực tế.*		Q.IV/21	Tỷ đồng							24,0	24,0	24,0		37,4	37,4	37,4		37,4	37,4	
4	Phần mềm ứng dụng phục vụ AT PCCC, BDSC, VH, QLDA … *'- Thực hiện theo nhu cầu thực tế.*		Q.IV/21	Tỷ đồng							36,5	36,5	36,5		19,8	19,8	19,8		19,8	19,8	

Stt	Tên dự án - kế hoạch	Thời gian		Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư/dự toán được duyệt						Kế hoạch năm 2021				Thực hiện năm 2021				Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến 31.12.2021		
					Số quyết định	Ngày tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư			Giá trị thực hiện đầu tư	Giá trị giải ngân			Giá trị thực hiện đầu tư	Giá trị giải ngân			Giá trị giải ngân		
								Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
		KC	HT						Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác
V	**ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**			**Tỷ đồng**				**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Nhận chuyển nhượng phần vốn của PVE tại PV GAS Tower *'- Hoàn thành chuyển nhượng.*		Q.IV/21	Tỷ đồng				-	-	-	-										
2	Đầu tư vốn vào PETEC *'- Hoàn thành đầu tư.*		Q.IV/21	Tỷ đồng																	
3	Tăng Vốn điều lệ tại PV GAS LPG *'- Hoàn thành tăng vốn.*		Q.IV/21	Tỷ đồng																	
4	Tăng Vốn điều lệ tại CNG Việt Nam *'- Hoàn thành tăng vốn.*		Q.IV/21	Tỷ đồng																	
5	Góp vốn theo quy định tại BCC Chuỗi Cảng dịch vụ - Khí - Điện *'- Hoàn thành góp vốn theo quy định của BCC.*		Q.IV/21	Tỷ đồng																	
6	Góp vốn với VinaCapital thành lập công ty để đầu tư hạ tầng cấp khí cho nhà máy điện Long An I & II *'- Triển khai các thủ tục cần thiết sau khi ký MOU phù hợp với các quy định của Pháp luật, PVN và PV GAS*		Q.IV/21	Tỷ đồng																	
7	Góp vốn thành lập công ty kho cảng LNG Sơn Mỹ *'- Hoàn thành thành lập và góp vốn theo thỏa thuận.*		Q.IV/21	Tỷ đồng																	